

Tăng tỷ trọng

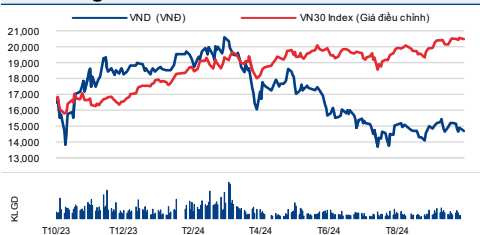
Giá mục tiêu: VND18,000

Tiềm năng tăng/giảm: 22.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/10/2024)	14,700
Mã Bloomberg	VND VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,733-20,643
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,817
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	22,373
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	884
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	41,742	46,208	58,786
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	10,277	12,127	15,401
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	6,561	6,371	7,682
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,019	1,975	2,356
BVPS (đồng)	13,549	12,786	14,586
EPS (đồng)	1,658	1,320	1,433
DPS (đồng)	500	500	500
T.trưởng tổng tài sản (%)	7.39	10.7	27.2
T.trưởng c.vay KQ (%)	13.4	18.0	27.0
T.trưởng DT HĐ (%)	(3.91)	(2.90)	20.6
Tăng trưởng EPS (%)	65.5	(20.4)	8.55
Tăng trưởng DPS (%)	(64.3)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	37.9	34.9
ROAE (%)	13.0	10.9	10.3
ROAA (%)	5.01	4.49	4.49
Tỷ lệ CIR (%)	40.0	47.5	45.7
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.12	0.11	0.12
Vòng quay tổng TS (%)	16.3	14.5	14.6
Đòn bẩy vốn (%)	253	234	225
Thị phần môi giới CP (%)	7.00	6.10	6.60
P/E (lần)	8.87	11.1	10.3
P/B (lần)	1.08	1.15	1.01
Lợi suất cổ tức (%)	3.40	3.40	3.40

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VND là một công ty chứng khoán tăng trưởng nhanh, được tiếp lực bởi phát triển công nghệ và mảng khách hàng bán lẻ, công ty có thị phần khoảng 7%.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 giảm 21%; lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm 52%

- LNTT Q3 giảm 21% xuống 623 tỷ đồng do lợi nhuận các mảng nghiệp vụ môi giới, cho vay ký quỹ và hoạt động tự doanh giảm lần lượt 52%, 13% và 23%. LNTT 9 tháng đầu năm 2024 đạt 1.836 tỷ đồng, tăng 23%, bằng 74% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.
- Tỷ trọng mảng trái phiếu và lãi dự thu của VND vẫn ở mức cao cùng những rủi ro đầu tư chưa được giải quyết.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 4,4% trong 3 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,2 lần, sát bình quân quá khứ nhưng thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024 vào ngày 21/10/2024

VND công bố KQKD Q3/2024 khiêm tốn nhưng sát với dự báo của chúng tôi, trong đó LNTT giảm 21% so với cùng kỳ (tăng 46% so với mức nền thấp Q2/2024) đạt 623 tỷ đồng do sự sụt giảm ở tất cả các mảng bao gồm nghiệp vụ môi giới, cho vay ký quỹ và hoạt động tự doanh, giảm lần lượt 52%, 13% và 23% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 1.836 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ), bằng 74% dự báo cả năm (2.481 tỷ đồng) và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm từ mức nền cao

Doanh thu gộp nghiệp vụ môi giới Q3/2024 giảm 44% so với cùng kỳ và giảm 8% so với quý trước xuống 167 tỷ đồng chủ yếu do: (1) thanh khoản bình quân ngày giảm 22% so với cùng kỳ (giảm 23% so với quý trước) xuống 18,7 nghìn tỷ đồng và (2) thị phần của VND giảm xuống 5,7% (giảm 150 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 80 điểm cơ bản so với quý trước) từ 7,2% trong Q3/2023 và 6,5% trong Q2/2024. Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 39% so với cùng kỳ (tăng 12% so với quý trước) xuống 109 tỷ đồng. Từ đó, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm 52% so với cùng kỳ xuống 58 tỷ đồng từ 122 tỷ đồng trong Q3/2023.

Tỷ lệ phí giữ lại của VND (phí thuần/phí gộp) vẫn vững chắc ở mức 35% (mặc dù giảm từ 46% trong Q2/2024 và 41% trong Q3/2023) nhờ chiến lược tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và lợi thế công nghệ. Chúng tôi tin rằng VND có thể duy trì được tỷ lệ này ổn định trong trung hạn nhưng Công ty nhiều khả năng sẽ cần giảm tỷ lệ này xuống (giảm phí giao dịch hoặc chia nhiều hơn cho môi giới) để giành lại thị phần.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, VND

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo của HSC
Tổng thu nhập HĐ	1,233	891	-28%	2,924	2,642	-10%	60%
Môi giới	122	58	-52%	229	231	1%	92%
Cho vay ký quỹ	358	313	-13%	881	928	5%	80%
HĐ tự doanh	766	590	-23%	1,842	1,536	-17%	54%
Khác	(12)	(70)		(28)	(52)	86%	-55%
Lỗ tài chính	(368)	(171)	-54%	(1,177)	(477)	-59%	33%
Chi phí HĐ	(74)	(97)	31%	(243)	(330)	36%	77%
Thu nhập thuần khác	(3)	0		0	0		0%
LNTT	788	623	-21%	1,496	1,836	23%	74%
Lợi nhuận thuần	636	542	-15%	1,201	1,524	27%	76%

Nguồn: VND, HSC

Mảng cho vay ký quỹ vẫn tương đối vững chắc

Lãi từ cho vay ký quỹ vẫn tương đối vững chắc trong Q3/2024 mặc dù giảm 13% so với cùng kỳ (tăng 5% so với quý trước) đạt 313 tỷ đồng. Dư nợ cho vay ký quỹ giảm 3% so với quý trước (đi ngang so với cùng kỳ) ở mức 10,9 nghìn tỷ đồng, sát với xu hướng ngành (giảm 3% so với quý trước), đúng như dự báo trong Báo cáo ngành Chứng khoán của chúng tôi (xuất bản ngày 15/10/2024, bản tiếng Anh).

Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH của VND trong Q3/2024 là 56%, thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành ở mức 97%. Điều này cho thấy ảnh hưởng của nguồn vốn bị ứ đọng trong danh mục đầu tư trái phiếu đã tác động tiêu cực tới năng lực cho vay ký quỹ của Công ty.

Trong Q3/2023, lãi suất cho vay ký quỹ của VND giảm 20 điểm cơ bản so với quý trước (và giảm 80 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 11,5% trong khi chi phí huy động là 3,5%, tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước mặc dù giảm 390 điểm cơ bản so với mức nền cao Q3/2023 khi thanh khoản của VND ở mức thấp. Từ đó, tỷ lệ NIM của VND giảm xuống 8,3% từ 8,7% trong Q2/2024 nhưng cải thiện so với mức 5,2% trong Q3/2023. Tỷ lệ NIM thu hẹp do điều kiện cho vay thắt chặt trong quý mặc dù tỷ suất lợi nhuận tổng thể đã cải thiện đáng kể so với năm ngoái.

Thu nhập đầu tư giảm từ mức nền cao

Lãi hoạt động tự doanh giảm 23% so với cùng kỳ (mặc dù tăng 119% so với mức nền thấp quý trước) đạt 590 tỷ đồng, chủ yếu do lãi thuần bán tài sản tài chính FVTPL giảm 35% so với cùng kỳ xuống 418 tỷ đồng và lãi từ tài sản tài chính HTM giảm 35% so với cùng kỳ xuống 97 tỷ đồng.

Đối với thu nhập bán tài sản tài chính FVTPL, 280 tỷ đồng đến từ bán trái phiếu, nhiều khả năng liên quan đến giao dịch TPDN phát hành bởi Tập đoàn Trung Nam (Chưa niêm yết). Khoản thu nhập này chiếm 31% tổng thu nhập hoạt động của VND, gây lo ngại về chất lượng lợi nhuận tổng thể và sẽ cần thời gian để cải thiện.

Tài sản tài chính FVTPL của VND tăng 16% so với quý trước (tăng 29% so với cùng kỳ) đạt 24,4 nghìn tỷ đồng, bao gồm 3,3 nghìn tỷ đồng cổ phiếu, 13,1 nghìn tỷ đồng trái phiếu và 8 nghìn tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi. Trong đó, 54% tài sản tài chính FVTPL bao gồm trái phiếu, chủ yếu được phát hành bởi Tập đoàn Trung Nam, doanh nghiệp đang gặp khó khăn về dòng tiền.

Lợi suất tài sản tài chính FVTPL trong Q3/2024 đạt 6,7%, giảm từ 8,8% trong Q2/2024 và 10,3% trong Q3/2023, điều này là do mặt bằng lãi suất giảm xuống, do danh mục tài sản tài chính FVTPL chủ yếu bao gồm chứng khoán thu nhập cố định. Ngoài ra, một số cổ phiếu trong danh mục của VND, như C4G (Chưa khuyến nghị) và LTG (Giảm tỷ trọng, giá mục tiêu 21.000đ), ghi nhận diễn biến kém tích cực trong quý.

Tài sản tài chính HTM giảm 12% so với quý trước và giảm 9% so với cùng kỳ xuống 4,8 nghìn tỷ đồng, bao gồm tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng. Lợi suất tài sản tài chính HTM cũng có xu hướng giảm tương tự, đạt 7,1% trong Q3/2024 từ 7,5% trong Q2/2024 và 9,8% trong Q3/2023.

Cổ tức và lãi dự thu tăng lên 1.089 tỷ đồng (bằng 8,4% tổng giá trị trái phiếu nắm giữ), tăng từ 1.042 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2024 và 973 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2023. Phần lợi khoản dự thu này đến từ TPDN, đặc biệt là những trái phiếu liên quan đến Tập đoàn Trung Nam, trong đó cả tiền gốc và lãi dường như vẫn ứ đọng chưa thể nhận được. Điều này cho thấy VND sẽ cần thêm thời gian để gỡ bỏ ràng buộc từ những khoản đầu tư này.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 2% trong 1 tháng qua và giảm 4,4% trong 3 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,2 lần, sát bình quân quá khứ và thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành do thị phần sụt

giảm và nguồn vốn bị ứ đọng trong các khoản đầu tư. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu cho VND.

HSC cũng sẽ phân tích lại KQKD Q3 do những lo ngại gia tăng về việc Công ty mất thêm thị phần trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng. Tuy nhiên, chúng tôi dự báo mảng cho vay ký quỹ và lãi hoạt động tự doanh sẽ giúp VND giữ vững lợi nhuận tổng thể. Dựa trên dự báo cả năm 2024 hiện tại của chúng tôi và kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2024, tổng thu nhập hoạt động Q4/2024 sẽ đạt 1.724 tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 645 tỷ đồng (giảm 34% so với cùng kỳ).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu HĐ môi giới CK	1,249	867	895	1,282	1,615
Lãi cho vay ký quỹ	1,600	1,154	1,210	1,583	2,125
Doanh thu HĐ tự doanh	3,693	4,309	4,012	4,524	5,114
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	196	118	130	156	195
Thu nhập HĐ khác	90.0	113	124	137	150
Doanh thu HĐ	6,828	6,561	6,371	7,682	9,199
Chi phí HĐ	(4,205)	(2,624)	(3,025)	(3,508)	(4,320)
Lợi nhuận HĐ	2,623	3,937	3,346	4,174	4,879
Lợi nhuận tài chính	(1,089)	(1,448)	(902)	(1,254)	(1,383)
Lợi nhuận khác	0	(7.00)	(7.00)	(13.0)	(27.0)
LNTT	1,534	2,482	2,437	2,907	3,469
Chi phí thuế TNDN	(315)	(464)	(463)	(552)	(659)
LNST	1,219	2,018	1,974	2,355	2,810
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	1,220	2,019	1,975	2,356	2,811

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,557	5,701	5,874	11,651	11,720
Phải thu	2,246	948	978	1,401	1,765
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	357	375	388	568	722
Tài sản tài chính	33,511	34,320	38,557	44,715	52,652
FVTPL	19,062	16,730	19,239	22,125	25,444
HTM	5,618	7,432	7,432	7,432	7,432
Cho vay ký quỹ	9,061	10,277	12,127	15,401	20,021
AFS	0	0	(122)	(124)	(127)
Dự phòng	(230)	(119)	(119)	(119)	(119)
Đầu tư dài hạn	23.9	226	226	226	226
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	23.9	23.9	23.9	23.9	23.9
Đầu tư dài hạn khác	0	202	202	202	202
Tài sản cố định	77.7	106	117	128	141
Tài sản khác	99.0	66.4	68.5	98.1	124
Tổng tài sản	38,871	41,742	46,208	58,786	67,349
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	19,312	20,468	21,332	25,798	31,694
Trái phiếu ngắn hạn	850	400	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	4,194	4,370	5,097	6,867	8,393
Nợ phải trả	24,356	25,239	26,429	32,665	40,086
Vốn chủ sở hữu	14,515	16,503	19,780	26,123	27,266
Vốn điều lệ	12,178	12,178	15,471	17,911	17,911
Thặng dư vốn cổ phần	0.02	(0.04)	0.01	2,440	2,440
Lợi nhuận giữ lại	2,335	4,325	3,984	5,249	6,157
Quỹ & vốn khác của CSH	1.70	0	325	523	758
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	(1.69)	(2.54)	(3.38)
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	38,871	41,742	46,208	58,786	67,349

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	4.79	7.39	10.7	27.2	14.6
Tăng trưởng cho vay (%)	(41.4)	13.4	18.0	27.0	30.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	43.9	(32.9)	3.21	43.2	26.0
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	(5.56)	5.99	4.22	20.9	22.9
Tăng trưởng VCSH (%)	47.8	13.7	19.9	32.1	4.38
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	13.1	(3.91)	(2.90)	20.6	19.7
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	60.2	37.6	15.3	16.0	23.1
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	(23.2)	50.1	(15.0)	24.7	16.9
Tăng trưởng LNTT (%)	(48.5)	61.8	(1.81)	19.3	19.3
Tăng trưởng LNST (%)	(48.8)	65.5	(2.18)	19.3	19.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	(48.8)	65.5	(2.18)	19.3	19.3
Định giá					
P/E (lần)	14.7	8.87	11.1	10.3	9.37
P/B (lần)	1.23	1.08	1.15	1.01	0.97
Lợi suất cổ tức (%)	9.52	3.40	3.40	3.40	5.44
Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,002	1,658	1,320	1,433	1,570
DPS (đồng)	1,400	500	500	500	800
BVPS (đồng)	11,917	13,549	12,786	14,586	15,224
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,218	1,218	1,496	1,644	1,791
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,218	1,218	1,547	1,791	1,791
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,279	1,279	1,496	1,644	1,791
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.21	5.01	4.49	4.49	4.46
ROAE (%)	10.0	13.0	10.9	10.3	10.5
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	13.0	11.9	10.8	11.5	12.0
Chi phí vay nợ BQ (%)	4.50	6.80	4.00	5.00	5.00
Phí môi giới thuần (%)	0.03	0.02	0.02	0.02	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	61.6	40.0	47.5	45.7	47.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	140	30.2	37.9	34.9	51.0
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	7.90	7.00	6.10	6.60	7.20
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn